

Số:126/CĐN

Đồng Nai, ngày 09 tháng 10 năm 2018

V/v đánh giá phân loại CĐCS vững mạnh 2018  
và báo cáo thực lực năm 2018”.

Kính gửi: Các Công đoàn cơ sở trực thuộc Ngành Y tế.

Thực hiện Công văn số 107/LĐLĐ ngày 03/10/2018 của Ban Thường vụ Liên Đoàn Lao Động tỉnh Đồng Nai về việc đánh giá phân loại Công đoàn cơ sở vững mạnh năm 2018 và báo cáo thực lực năm 2018. Ban Thường vụ Công đoàn Ngành Y tế Đồng Nai đề nghị các Công đoàn cơ sở trực thuộc báo cáo như sau:

**1. Báo cáo số liệu thực lực:**

Báo cáo chính xác, đầy đủ các nội dung (theo mẫu đính kèm) năm 2018 của đơn vị và gửi về Thường trực Công đoàn Ngành Y tế **trước ngày 30/10/2018;**

**2. Báo cáo chấm điểm Công đoàn cơ sở vững mạnh năm 2018:**

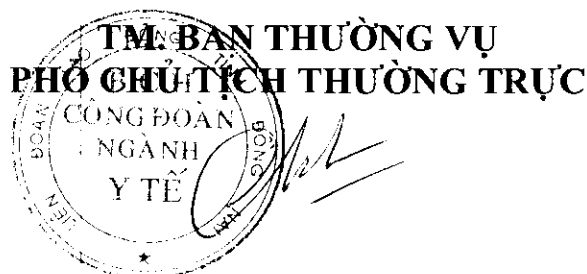
- Các Công đoàn cơ sở căn cứ Hướng dẫn số 51/HD-LĐLĐ ngày 21/9/2015 của Ban Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh Đồng Nai để đánh giá chất lượng hoạt động Công đoàn cơ sở năm 2018 (kèm theo Hướng dẫn 51/HD-LĐLĐ và biểu mẫu chấm điểm).

- Báo cáo Công đoàn cơ sở vững mạnh năm 2018 gửi về Thường trực Công đoàn Ngành Y tế **trước ngày 10/12/2018**, (Photo 08 bộ để Ban Thường vụ Công đoàn Ngành họp xét chấm điểm).

Nhận được công văn của Ban Thường vụ Công đoàn ngành, đề nghị các Công đoàn cơ sở khẩn trương triển khai thực hiện, tổng hợp số liệu báo cáo về Thường trực Công đoàn Ngành Y tế để tổng hợp xét chấm điểm và báo cáo Liên đoàn Lao động tỉnh theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- 40 CĐCS;
- Website Sở Y tế;
- Lưu CĐN.



**Đàm Đức Chính**

THỐNG KÊ CHI TIẾT TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2018

Tính đến 30 tháng 10 năm 2018

| STT | Tên đơn vị                                  | Tổng số CD CS hiện nay | Tổ chức        |       | Cán bộ     |    |           |    | Lao động       |    | Đoàn viên       |    |                 |    | Đảng viên |      |              |    |           |    |            |    | Đoàn viên nòng cốt |                       |      |    |                       |                    |
|-----|---|------------------------|----------------|-------|------------|----|-----------|----|----------------|----|-----------------|----|-----------------|----|-----------|------|--------------|----|-----------|----|------------|----|--------------------|-----------------------|------|----|-----------------------|--------------------|
|     |   |                        | Tổng số        |       | UV. BCH CD |    | UV. BCHBP |    | Tả trưởng, phó |    | Tổng số hiện có | Nữ | Tổng số hiện có |    | Tăng      | Giảm | Trong Đơn vị |    | Trong BCH |    | Giới thiệu |    |                    | Kết nạp               |      |    |                       |                    |
|     |   |                        | CD ĐD<br>phiện | Tổ CD | Tổng       | Nữ | Tổng      | Nữ | Tổng           | Nữ |                 |    | Tổng            | Nữ |           |      | Tổng         | Nữ | Tổng      | Nữ | Tổng       | Nữ |                    | CN trực tiếp sản xuất | Tổng | Nữ | CN trực tiếp sản xuất | Bo CĐCS giới thiệu |
| 1   | 2   | 3                      | 4              | 5     | 6          | 7  | 8         | 9  | 10             | 11 | 12              | 13 | 14              | 15 | 16        | 17   | 18           | 19 | 20        | 21 | 22         | 23 | 24                 | 25                    | 26   | 27 | 28                    | 29                 |
| I   | Khu vực HCSN (1+2+3)                        |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1   | HCSN (1.1+1.2)                              |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.1 | HCSN Nhà nước                               |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.2 | HCSN ngoài công lập                         |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2   | Trường học (2.1+2.2)                        |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2.1 | Trường công lập                             |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2.2 | Trường ngoài công lập                       |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 3   | Xã, phường, thị trấn                        |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| II  | Doanh nghiệp nhà nước                       |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| III | Khu vực ngoài nhà nước (1+2)                |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
|     | Dầu tư trong nước (1.1+1.2+1.3+1.4+1.5+1.6) |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.1 | Cây Cỏ phân                                 |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.2 | Cty CP nhà nước (*)                         |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.3 | Cty TNHH                                    |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.4 | Hợp tác xã                                  |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.5 | Doanh nghiệp tư nhân                        |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 1.6 | Nghịêu nhân                                 |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2   | Dầu tư nước ngoài (2.1+2.2)                 |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2.1 | Cty LD với nước ngoài (*)                   |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
| 2.2 | Cty 100% vốn nước ngoài                     |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |
|     | Tổng cộng: (1+11)                           |                        |                |       |            |    |           |    |                |    |                 |    |                 |    |           |      |              |    |           |    |            |    |                    |                       |      |    |                       |                    |

Ghi chú: Hạn chót gửi về Ban tổ chức trước ngày 25/10/2018

TM. BAN THƯỜNG VỤ .....

**THỐNG KÊ CHI TIẾT TỪNG ĐƠN VỊ NĂM 2018**

Tính đến 30 tháng 10 năm 2018

| Tên đơn vị                                  | Trình độ chính trị |           |        | Đoàn Viên có tôn giáo |      |            |          |         |         |     |      | Đoàn viên có người dân tộc |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       | KCN | Nước đầu tư | Ngành nghề |       |      |  |
|---|--------------------|-----------|--------|-----------------------|------|------------|----------|---------|---------|-----|------|----------------------------|-------|---------|------|-----|------|---------|---------|---------|------|--------|-----|-------|-----|-------------|------------|-------|------|--|
|   | Cao cấp            | Trung cấp | Sơ cấp | Tổng số               | Phật | Thiên chúa | Tin lành | Cao đài | Hòa Hảo | Hồi | Khác | Tổng số                    | Mường | Châu ro | Ê đê | Tày | Nùng | Sán đin | Châu ma | H' Mông | Thái | Stieng | Hoa | Khmer |     |             |            | Cơ Ho | Khác |  |
| 2   | 31                 | 32        | 33     | 34                    | 35   | 36         | 37       | 38      | 39      | 40  | 41   | 42                         | 43    | 44      | 45   | 46  | 47   | 48      | 49      | 50      | 51   | 52     | 53  | 54    | 55  | 56          | 57         | 58    | 59   |  |
| Khu vực HCSN (1+2+3)                        |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| HCSN (1.1+1.2)                              |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| HCSN Nhà nước                               |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| HCSN ngoài công lập                         |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Trường học (2.1+2.2)                        |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Trường công lập                             |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Trường ngoài công lập                       |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Xã phường thị trấn                          |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Doanh nghiệp nhà nước                       |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Khu vực ngoài nhà nước (1)                  |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Dầu tư trong nước (1.1+1.2+1.3+1.4+1.5+1.6) |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Cty Cổ phần                                 |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Cty CP nhà nước (*)                         |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Cty TNHH                                    |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Hợp tác xã                                  |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Doanh nghiệp tư nhân                        |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Hợp liên đoàn                               |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Đầu tư nước ngoài (2.1+2.2)                 |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Cty LD với nước ngoài (*)                   |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Cty 100% vốn nước ngoài                     |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |
| Tổng cộng: (1+1)                            |                    |           |        |                       |      |            |          |         |         |     |      |                            |       |         |      |     |      |         |         |         |      |        |     |       |     |             |            |       |      |  |

TM. BAN THƯỜNG VỤ .....

Số: 51 /HD-LĐLĐ

Đồng Nai, ngày 21 tháng 9 năm 2015

## HƯỚNG DẪN

### Xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, đánh giá chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

Thực hiện Hướng dẫn số 1931/HD-TLĐ và Hướng dẫn số 1932/HD-TLĐ ngày 27/12/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN về Hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, đánh giá chất lượng hoạt động công đoàn cơ sở và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở;

Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh hướng dẫn xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh, đánh giá chất lượng hoạt động CĐCS và công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở như sau:

#### Phần 1

#### Xây dựng CĐCS vững mạnh và đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS

#### I. Xây dựng CĐCS vững mạnh

1. Nội dung xây dựng CĐCS vững mạnh được xếp thành 06 nhóm tương ứng với 06 bảng điểm (kèm theo) như sau:

- CĐCS trong các doanh nghiệp nhà nước.
- CĐCS trong các đơn vị sự nghiệp công lập.
- CĐCS trong các cơ quan hành chính nhà nước; tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.
- CĐCS trong các doanh nghiệp ngoài nhà nước, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.
- CĐCS trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
- Nghiệp đoàn.

Ngoài ra còn có thêm: Bảng chấm điểm tổ công đoàn, công đoàn bộ phận, CĐCS thành viên.

#### 2. Tiêu chuẩn:

Mỗi bảng điểm có 3 tiêu chuẩn chính, như sau:

- Tiêu chuẩn 1: Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tham gia quản lý đơn vị
- Tiêu chuẩn 2: Xây dựng tổ chức Công đoàn.
- Tiêu chuẩn 3: Tuyên truyền, vận động đoàn viên và các hoạt động khác.

#### II. Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS

##### 1. Phương pháp chấm điểm

##### 1.1. Thang điểm

Căn cứ mục đích, yêu cầu và nội dung ba tiêu chuẩn xây dựng CĐCS vững mạnh, thống nhất xây dựng thang điểm gồm 100 điểm, như sau:

- Tiêu chuẩn 1: 35 điểm;
- Tiêu chuẩn 2: 35 điểm;
- Tiêu chuẩn 3: 20 điểm;
- \* *Điểm thưởng*: 10 điểm.

## 1.2. Cách chấm điểm

- Căn cứ mức độ kết quả đạt được của từng nội dung để tính điểm, kết quả đạt đến đâu thì chấm điểm tương ứng: nếu thực hiện đạt từ 50% nội dung chỉ tiêu trở lên thì chấm từ phân nửa (1/2) số điểm của chỉ tiêu đó trở lên; nếu thực hiện đạt dưới 50% nội dung chỉ tiêu, chấm tối đa phân nửa (1/2) số điểm của chỉ tiêu đó.

- Chỉ cho điểm thưởng khi CĐCS có những thành tích đặc biệt trong các nội dung sau:

+ Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi hơn cho NLĐ so với quy định của pháp luật; được thực hiện, đánh giá đạt chất lượng cao, chọn làm đơn vị tiêu biểu.

+ Tổ chức thực hiện tốt đối thoại định kỳ, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, là điển hình để các đơn vị khác học tập.

+ Thực hiện đạt hiệu quả cao về quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật, là điển hình để các đơn vị khác học tập.

+ Có thành tích xuất sắc trong xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa ban chấp hành CĐCS và doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.

+ Có thành tích xuất sắc trong các công tác trọng tâm đặc thù do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ đạo, phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, các hoạt động xã hội, từ thiện.

## 2. Đánh giá, xếp loại chất lượng

### 2.1. Đối với CĐCS, nghiệp đoàn

Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS, Nghiệp đoàn theo 04 mức như sau:

a) Công đoàn cơ sở, NĐ xếp loại **vững mạnh**: Đạt từ 85 điểm trở lên, đồng thời có đủ các điều kiện sau đây:

- Có thỏa ước lao động tập thể (đối với CĐCS doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập); có các kế hoạch thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; có tập hợp ý kiến đoàn viên, kiến nghị với cơ quan chức năng nhà nước (hoặc thông qua Công đoàn cấp trên) tạo điều kiện, cơ chế phù hợp, thuận lợi cho đoàn viên, NLĐ có việc làm, nâng cao thu nhập (đối với Nghiệp đoàn);

- Không để xảy ra ngừng việc tập thể hoặc đình công trái pháp luật;
- Không có tai nạn lao động chết người tại nơi làm việc do lỗi chủ quan;
- Không có đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức là cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;

- Không có tiêu chuẩn nào chấm đạt dưới 50% tổng số điểm.

b) Công đoàn cơ sở, NE xếp loại **khá**: Đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm và những CĐCS đạt 85 điểm trở lên nhưng không được xếp loại vững mạnh do không có đủ các điều kiện quy định tại Điểm a nêu trên.

c) Công đoàn cơ sở, NE xếp loại **trung bình**: Đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

d) Công đoàn cơ sở, NE xếp loại **yếu**: Đạt dưới 50 điểm.

Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS được thực hiện hàng năm. Đối với các CĐCS được thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam *cần có thời gian hoạt động từ mười hai tháng trở lên (CĐCS trường học tính theo năm học)*.

## 2.2. CĐCS thành viên, Công đoàn bộ phận, tổ công đoàn

CĐCS vận dụng Bảng chấm điểm CĐCS thành viên, Công đoàn bộ phận, tổ công đoàn (*đính kèm*) để hướng dẫn CĐCS thành viên, Công đoàn bộ phận chấm điểm, xếp loại cho phù hợp với đặc điểm chung của CĐCS. Chỉ tiêu nào thuộc trách nhiệm chính của CĐCS thì CĐCS thành viên, Công đoàn bộ phận, tổ công đoàn xem xét trách nhiệm tham gia, vận động CNVCLĐ thực hiện để chấm điểm.

## Phần 2

### Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

#### I. Tiêu chí đánh giá, xếp loại

1. Nội dung tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được xếp thành 05 nhóm tương ứng với 05 bảng điểm (kèm theo) như sau:

- LĐLĐ cấp huyện, thị xã thành phố.
- Công đoàn Khu Công nghiệp.
- Công đoàn ngành, Công đoàn Viên chức.
- Công đoàn Giáo dục huyện, thị xã, thành phố
- Công đoàn Tổng công ty

#### 2. Tiêu chí:

Mỗi bảng điểm có 04 tiêu chí chính, như sau:

- Tiêu chí 1: Hướng dẫn, hỗ trợ CĐCS hoạt động
- Tiêu chí 2: Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác.
- Tiêu chí 3: Công tác tham gia quản lý, phối hợp thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách đối với người lao động.
- Tiêu chí 4: Các tiêu chí cộng điểm.

#### II. Đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

##### 1. Phương pháp tính điểm

## 1.1. Thang điểm

Căn cứ mục đích, yêu cầu và nội dung 04 tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thống nhất xây dựng thang điểm gồm 100 điểm, như sau:

- Tiêu chí 1: 30 điểm;
- Tiêu chí 2: 40 điểm;
- Tiêu chí 3: 20 điểm;
- Tiêu chí 4: 10 điểm;

## 1.2. Cách tính điểm

a) Việc xác định thang điểm cho từng tiêu chí theo nguyên tắc hoàn thành 100% yêu cầu của tiêu chí đánh giá thì đạt điểm tối đa. Căn cứ vào mức độ hoàn thành yêu cầu của tiêu chí chấm điểm để xác định số điểm tương ứng: nếu thực hiện đạt từ 50% nội dung tiêu chí trở lên thì chấm từ phân nửa (1/2) số điểm của tiêu chí đó trở lên; nếu thực hiện đạt dưới 50% nội dung tiêu chí, chấm tối đa phân nửa (1/2) số điểm của tiêu chí đó.

b) Xác định điểm cộng: Trên cơ sở các tiêu chí điểm cộng quy định tại hướng dẫn này, tùy theo mức độ quan trọng của tiêu chí cộng điểm để xác định số điểm cộng.

## 2. Đánh giá, xếp loại chất lượng

Đánh giá, xếp loại chất lượng Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở theo 04 loại như sau:

a) Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở **tốt**: Có tổng số điểm từ 80 điểm trở lên. Những đơn vị có tổng số điểm từ 91 điểm trở lên thuộc đối tượng xét khen thưởng.

b) Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở **khá**: Có tổng số điểm từ 65 điểm đến dưới 80 điểm.

c) Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở **trung bình**: Có tổng số điểm từ 50 điểm đến dưới 65 điểm.

d) Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở **yếu**: Có tổng số điểm dưới 50 điểm.

- Việc đánh giá, xếp loại do LĐLĐ tỉnh quyết định, trên cơ sở bảng tự đánh giá, xếp loại của công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở. Những công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại mà không thực hiện việc đánh giá, xếp loại thì đương nhiên xếp loại yếu mà không phải xem xét, thẩm định.

- Việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở được thực hiện hàng năm. Những Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở mới thành lập hoặc được chia tách, sáp nhập, hợp nhất có thời gian hoạt động chưa đủ 12 tháng thì không thuộc đối tượng đánh giá, xếp loại.

Ban Thường vụ LĐLĐ cấp huyện xem xét đánh giá, xếp loại Công đoàn Giáo dục cấp huyện.

## Phần 3 Tổ chức thực hiện

I. Đối với công đoàn cơ sở:

- Đầu năm xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện đồng bộ các nội dung tiêu chuẩn và đề ra các giải pháp xây dựng CĐCS vững mạnh. Những CĐCS thấy có khả năng phấn đấu thì đăng ký danh hiệu thi đua với công đoàn cấp trên trực tiếp quản lý.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các uỷ viên ban chấp hành và các ban quần chúng (nếu có) để trực tiếp theo dõi, hướng dẫn CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn tham gia xây dựng, tổ chức thực hiện những nội dung tiêu chuẩn xây dựng CĐCS vững mạnh.

- Cuối năm Ban chấp hành CĐCS hướng dẫn các CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn trực thuộc tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại và quyết định xếp loại theo thẩm quyền.

- Trên cơ sở kết quả xếp loại chất lượng hoạt động của CĐCS thành viên, công đoàn bộ phận, tổ công đoàn và kết quả hoạt động của CĐCS trong năm đã đạt được, Ban chấp hành CĐCS tự chấm điểm, đánh giá, đồng thời công khai kết quả cho đoàn viên biết và tham gia ý kiến, trước khi gửi hồ sơ đề nghị lên công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở.

- Báo cáo công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thẩm định, đánh giá, chấm điểm và quyết định xếp loại chất lượng hoạt động CĐCS theo quy định.

## **II. Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở:**

- Đầu năm triển khai kế hoạch xây dựng CĐCS vững mạnh đến các CĐCS trực thuộc, trong đó nêu rõ các giải pháp thực hiện; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ, tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho cán bộ CĐCS; nhất là các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động đối với những CĐCS xếp loại trung bình, xếp loại yếu của năm trước.

- Cuối năm hướng dẫn các CĐCS đánh giá, xếp loại từ tổ công đoàn trở lên; tổ chức kiểm tra, thẩm định, đánh giá, chấm điểm và quyết định xếp loại CĐCS. Kết quả xếp loại CĐCS được công khai đến các CĐCS trực thuộc cùng được biết. *(không yêu cầu các CĐCS đầu năm phải đăng ký vững mạnh thì mới đánh giá, xếp loại)*.

- Những CĐCS xếp loại vững mạnh đạt từ 95 điểm trở lên được bình xét, lựa chọn để khen thưởng hoặc đề nghị các hình thức khen thưởng theo quy chế khen thưởng của Tổng Liên đoàn.

- Tổ chức hội nghị tổng kết công tác công đoàn hàng năm lồng ghép với việc đánh giá, rút kinh nghiệm công tác xây dựng CĐCS vững mạnh.

- Trường hợp phát hiện CĐCS không đủ điều kiện như đã xếp loại thì phải ra quyết định huỷ bỏ kết quả đã công nhận.

- Hàng năm triển khai, hướng dẫn các công đoàn giáo dục huyện, thành phố chấm điểm, đánh giá, xếp loại CĐCS; thực hiện việc kiểm tra, phúc tra, trực tiếp thẩm định kết quả và công bố kết quả đánh giá theo tiêu chí xếp loại đánh giá.

- Thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại, đảm bảo tính khách quan, chính xác trong đánh giá, xếp loại.

- Căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại của công đoàn cấp trên để điều chỉnh chương trình, kế hoạch công tác trong trường hợp cần thiết.



### III. Đối với LĐLĐ tỉnh

- Giao cho Ban Tổ chức LĐLĐ tỉnh chủ trì phối kết hợp với các ban, văn phòng LĐLĐ tỉnh có trách nhiệm tham mưu giúp Ban Thường vụ LĐLĐ tỉnh trong việc triển khai và tổ chức thực hiện xây dựng CĐCS vững mạnh và đánh giá chất lượng hoạt động CĐCS. Thực hiện việc kiểm tra, phúc tra, trực tiếp đánh giá, chấm điểm, xếp loại đối với các công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở

- Các Ban chuyên đề LĐLĐ tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng nghiên cứu, đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao chất lượng hoạt động CĐCS để Ban thường vụ LĐLĐ tỉnh kịp thời xem xét và chỉ đạo.

- Hàng năm LĐLĐ tỉnh tổ chức sơ kết, đánh giá công tác xây dựng CĐCS vững mạnh và có các hình thức động viên, khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng CĐCS vững mạnh, theo Quy chế khen thưởng ban hành kèm theo Quyết định số 1564/QĐ-TLĐ ngày 24/12/2014 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn LĐVN.

### IV. Về hồ sơ và thời gian gửi

- Đối với CĐCS: gửi Công đoàn cấp trên trực tiếp một Bảng chấm điểm CĐCS, ND (theo từng loại bảng điểm). Thời gian gửi trước ngày 01/12 hàng năm.

- Đối với công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở: Thực hiện việc tự đánh giá, xếp loại từ ngày 01/12 đến trước ngày 15/12. Lập hồ sơ đánh giá, xếp loại gửi về LĐLĐ tỉnh (qua Ban Tổ chức) xem xét, quyết định trước ngày 20/12 hàng năm. Đồng thời gửi bảng tổng hợp đánh giá, xếp loại hoạt động CĐCS trực thuộc (theo mẫu gửi kèm).

- Đối với CĐCS trường học trực thuộc Công đoàn Giáo dục cấp huyện hoặc trực thuộc Công đoàn Giáo dục tỉnh do LĐLĐ cấp huyện và Công đoàn Giáo dục tỉnh quy định thời gian gửi, đồng thời tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại của CĐCS trường học hàng năm gửi về Liên đoàn Lao động tỉnh (qua Ban Tổ chức) trước ngày 15/6 hàng năm.

Hướng dẫn này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và được triển khai đến các cấp Công đoàn trong tỉnh để thực hiện.

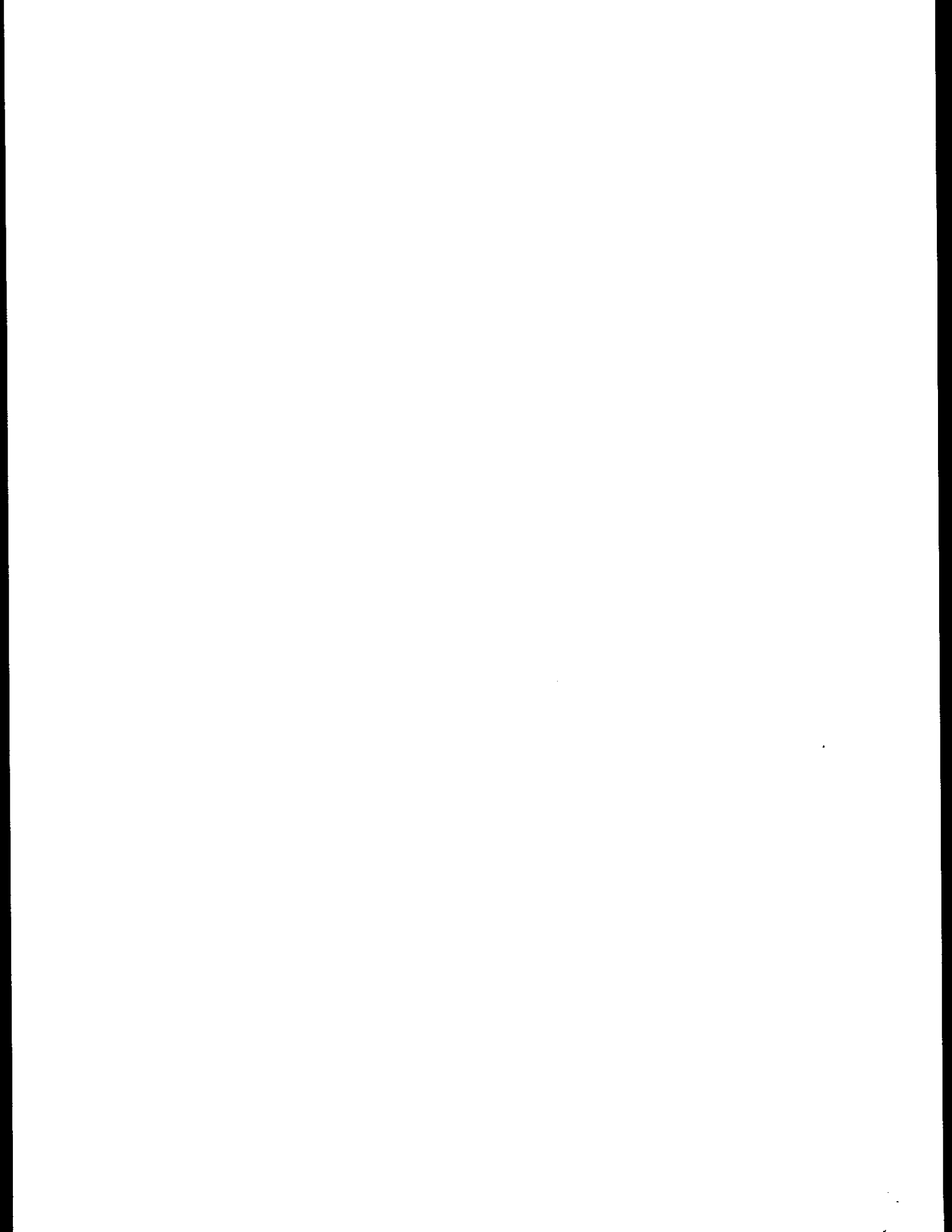
#### Nơi nhận:

- Ban Tổ chức TLĐ (thay b/c);
- Ban Dân vận Tỉnh ủy (thay b/c);
- Các LĐLĐ huyện, CĐ ngành;
- Các UV BCH, UBKT LĐLĐ tỉnh;
- Các CĐCS trực thuộc LĐLĐ tỉnh;
- Website LĐLĐ tỉnh
- Lưu: VT, ToC

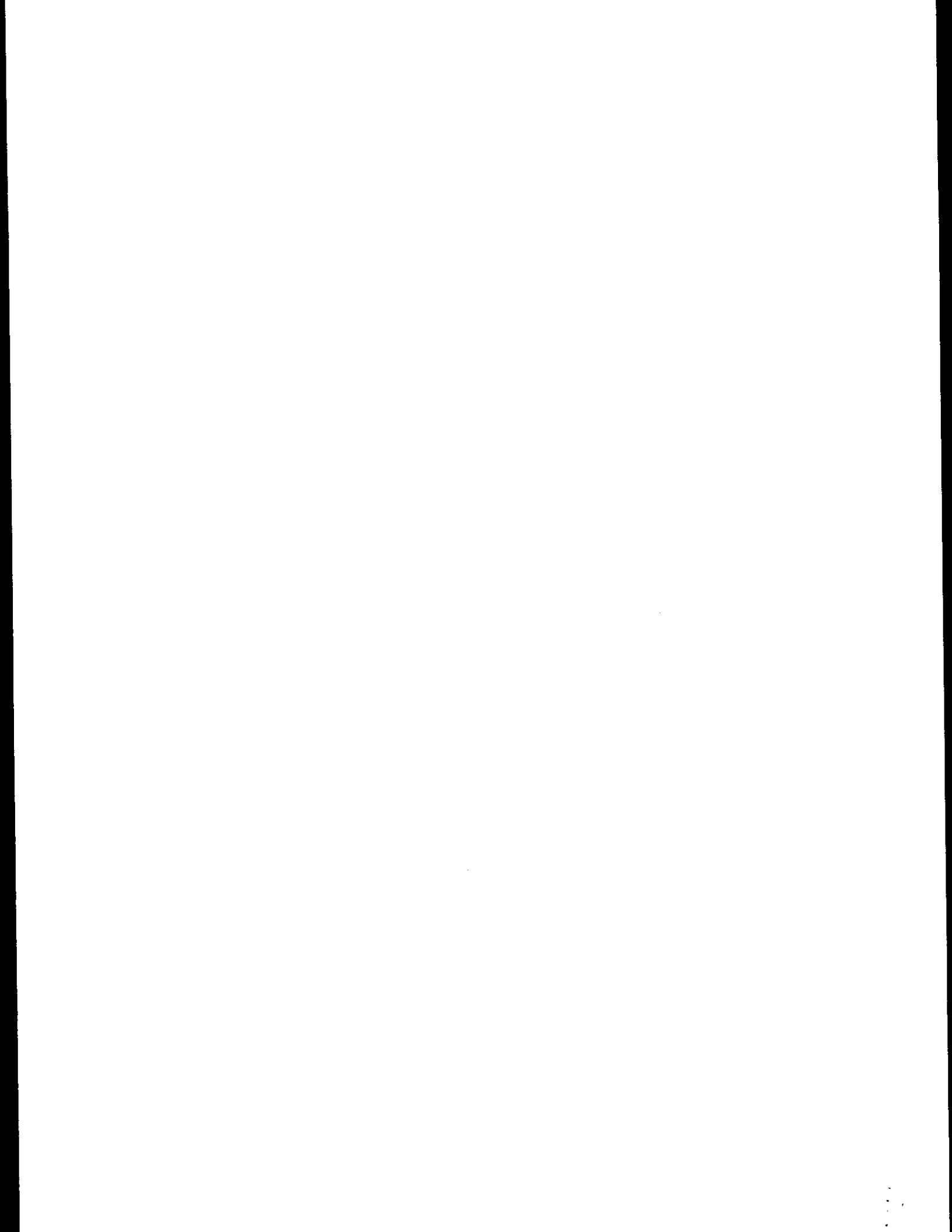


**BẢNG CHẤM ĐIỂM XẾP LOẠI CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG CÁC DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC**  
 (Theo hướng dẫn số: 1931 /HD-TLĐ ngày 27 /12/2014 của Tổng LĐLĐ VN)

| STT      | Nội dung   | Điểm Chuẩn tối đa | Đạt TL % so điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | Ghi chú |
|----------|--|-------------------|------------------------|--------------|---------------|---------|
| <b>I</b> | <b><u>TIÊU CHUẨN I:</u></b><br><b>Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tham gia quản lý:</b>   | 35                |                        |              |               |         |
| 1.1      | Đại diện cho tập thể người lao động (NLĐ) thương lượng tập thể có hiệu quả với người sử dụng lao động (NSDLĐ) <i>nhằm xác lập các điều kiện lao động mới làm căn cứ ký kết thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)</i> đạt được những điều khoản có lợi hơn cho NLĐ so với quy định của pháp luật, <i>được công đoàn cấp trên đánh giá đạt chất lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn; giám sát thực hiện có hiệu quả nội dung TULĐTT.</i> | 8                 |                        |              |               |         |
| 1.2      | Tham gia với NSDLĐ xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp; <i>thực hiện công khai những việc NLĐ được biết theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và tổ chức hội nghị NLĐ hàng năm đúng quy trình, đạt hiệu quả.</i>  | 5                 |                        |              |               |         |
| 1.3      | Tham gia với NSDLĐ xây dựng và giám sát thực hiện các nội quy, quy định; định mức lao động; đơn giá tiền lương; quy chế trả lương, thưởng; quy chế khen thưởng, kỷ luật.   | 4                 |                        |              |               |         |
| 1.4      | Tham gia giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc nhằm nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho NLĐ; <i>thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách với NLĐ theo quy định của pháp luật.</i>   | 4                 |                        |              |               |         |
| 1.5      | Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa ban chấp hành (BCH) công đoàn và NSDLĐ. <i>Phát động, tổ chức các phong trào thi đua hiệu quả, thiết thực (có nội dung và kết quả cụ thể).</i>   | 3                 |                        |              |               |         |
| 1.6      | Giám sát thực hiện hợp đồng lao động (HĐLĐ) và hướng dẫn, tư vấn cho NLĐ giao kết và chấm dứt hợp đồng lao động với NSDLĐ đúng quy định của pháp luật; <i>có 100% lao động</i>   | 4                 |                        |              |               |         |



|      |  |    |  |  |  |  |
|------|--|----|--|--|--|--|
| 2.8  | <i>Hoàn thành</i> dự toán thu tài chính và nộp nghĩa vụ lên công đoàn cấp trên <i>thực hiện đầy đủ các khoản chi đối với đoàn viên và NLD. Không vi phạm quy định sử dụng, quản lý tài chính công đoàn.</i>  | 4  |  |  |  |  |
| 2.9  | Thực hiện chế độ thông tin <i>hai chiều đầy đủ, chính xác và kịp thời với đoàn viên, NLD</i> và báo cáo định kỳ với công đoàn cấp trên.  | 3  |  |  |  |  |
| 2.10 | Xây dựng lực lượng đoàn viên nông cốt đạt trên 45%   | 4  |  |  |  |  |
| III  | <b><u>TIÊU CHUẨN III:</u></b><br><b>Công tác tuyên truyền và các hoạt động khác:</b>   | 20 |  |  |  |  |
| 3.1  | Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên và NLD chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước nghị quyết của công đoàn; chấp hành nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp có liên quan đến đoàn viên và NLD <i>(có nội dung cụ thể).</i>   | 6  |  |  |  |  |
| 3.2  | Không có đoàn viên vi phạm kỷ luật <i>đến mức bị buộc thôi việc hoặc sa thải</i> ; không có đoàn viên bị cơ quan pháp luật xử lý về tham nhũng, tiêu cực, <i>trừ trường hợp do đơn vị phát hiện</i> . Không có đoàn viên vi phạm Luật hôn nhân và gia đình Luật phòng, chống bạo lực gia đình, chính sách dân số và mắc tệ nạn xã hội. | 5  |  |  |  |  |
| 3.3  | <i>Tham gia với NSDLĐ thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề đối với NLD</i> , xây dựng doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa   | 3  |  |  |  |  |
| 3.4  | Vận động đoàn viên, NLD hỗ trợ nhau trong công việc và tham gia hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo.  | 3  |  |  |  |  |
| 3.5  | Giới thiệu được đoàn viên ưu tú cho cấp ủy đảng bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.  | 3  |  |  |  |  |
| IV   | <b><u>Điểm thưởng:</u></b>   | 10 |  |  |  |  |
| 4.1  | Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi hơn cho NLD so với quy định của pháp luật; được thực hiện, đánh giá chất lượng cao, chọn làm đơn vị tiêu biểu   | 2  |  |  |  |  |
| 4.2  | Tổ chức thực hiện tốt đối thoại định kỳ, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, là điển hình để các đơn vị khác học tập.   | 2  |  |  |  |  |



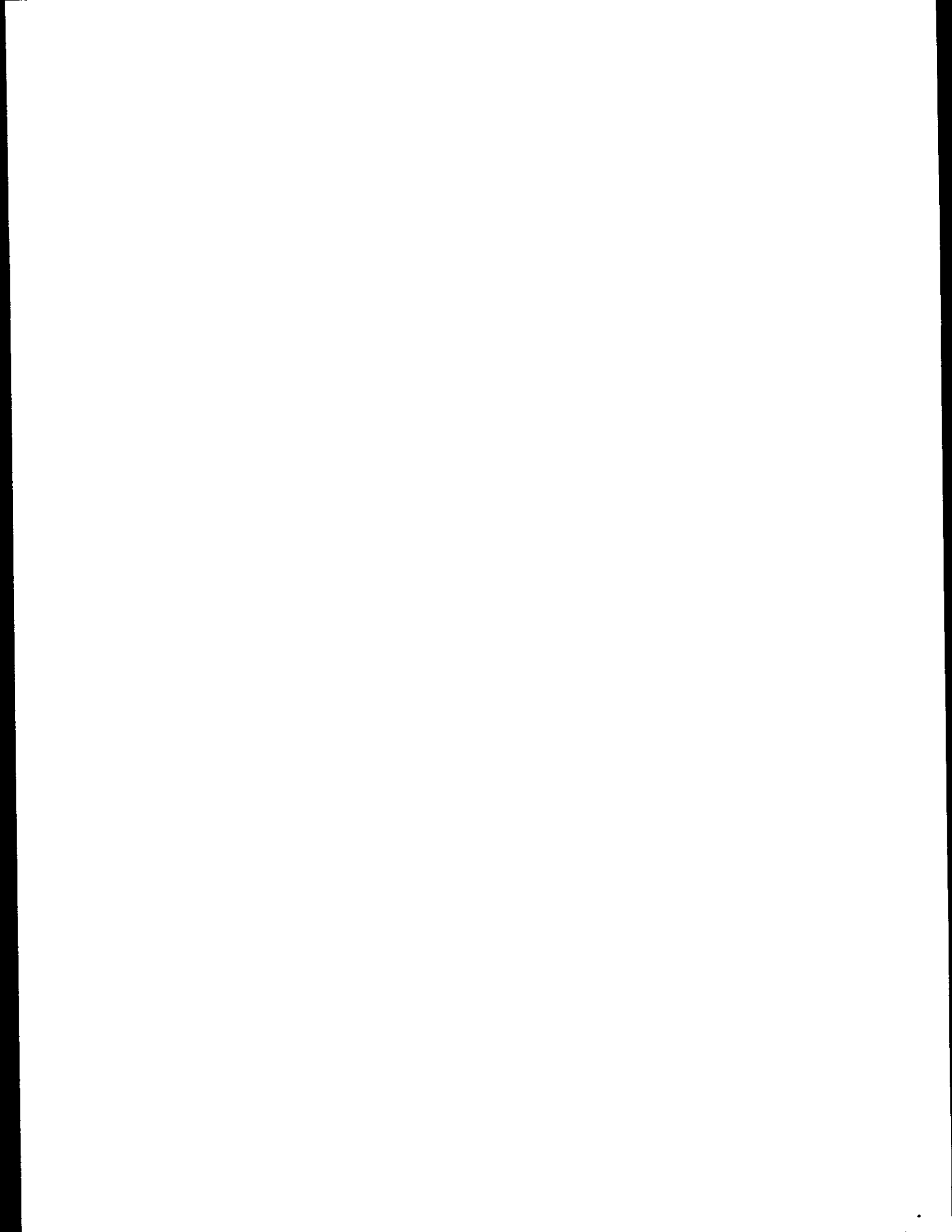
**BẢNG CHẤM ĐIỂM XẾP LOẠI CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**  
 ( Theo hướng dẫn số:1931 /HD-LĐLĐ ngày 27 /12 /2014 của Tổng LĐLĐ VN )

| STT | Nội dung  | Điểm chuẩn tối đa | Đạt tỷ lệ % so điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | GHI CHÚ |
|-----|---|-------------------|---------------------------|--------------|---------------|---------|
| I   | <b><u>TIÊU CHUẨN I:</u></b><br>Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tham gia quản lý:   | 35                |                           |              |               |         |
| 1.1 | <i>Tham gia với thủ trưởng hoặc người đứng đầu đơn vị xây dựng ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế dân chủ ở đơn vị.</i>  | 5                 |                           |              |               |         |
| 1.2 | Hàng năm phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu đơn vị tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức <b>đúng thời hạn; thực hiện, công khai những việc NLĐ được biết theo quy định của pháp luật.</b>  | 5                 |                           |              |               |         |
| 1.3 | <i>Hướng dẫn, tư vấn</i> cho viên chức, NLĐ <b>giao kết</b> và chấm dứt hợp đồng làm việc, HĐLĐ với người đứng đầu đơn vị theo quy định của pháp luật; <b>có 100% viên chức, NLĐ đang làm việc tại đơn vị được giao kết hợp đồng làm việc và HĐLĐ bằng văn bản (không tính số lao động làm công việc tạm thời có thời hạn dưới ba tháng).</b> | 5                 |                           |              |               |         |
| 1.4 | Giám sát thực hiện đầy đủ chế độ chính sách với NLĐ và <b>các bản hợp đồng làm việc và hợp đồng lao động; tham gia giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động;</b> không để xảy ra đơn thư vượt cấp.   | 4                 |                           |              |               |         |
| 1.5 | Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa BCH công đoàn và người đứng đầu đơn vị.   | 4                 |                           |              |               |         |
| 1.6 | Phối hợp với người đứng đầu đơn vị phát động, tổ chức các phong trào thi đua hiệu quả, thiết thực ( <b>có nội dung và kết quả cụ thể</b> ).   | 4                 |                           |              |               |         |

|     |  |    |  |  |  |  |
|-----|--|----|--|--|--|--|
| 1.7 | Tham gia <i>cải tiến lề lối làm việc</i> , cải thiện điều kiện làm việc; <i>nâng cao chất lượng công tác và thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn</i> .  | 4  |  |  |  |  |
| 1.8 | Tham gia xây dựng, <i>ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và thực hiện có hiệu quả</i> nội quy, quy định, quy chế tiền lương, tiền thưởng, chi tiêu nội bộ, khen thưởng, kỷ luật của đơn vị.  | 4  |  |  |  |  |
| II  | <b><u>TIÊU CHUẨN II:</u></b><br><b>Xây dựng tổ chức công đoàn</b>  | 35 |  |  |  |  |
| 2.1 | Có 95% trở lên số NLĐ gia nhập công đoàn.  | 5  |  |  |  |  |
| 2.2 | Có 100% cán bộ công đoàn <i>mới được bầu lần đầu</i> được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về lý luận, nghiệp vụ công tác Công đoàn.   | 5  |  |  |  |  |
| 2.3 | Có 70% trở lên số tổ công đoàn, công đoàn bộ phận, CĐCS thành viên (nếu có) được xếp loại vững mạnh.   | 3  |  |  |  |  |
| 2.4 | <i>Việc kiện toàn và công nhận các chức danh từ tổ phó công đoàn trở lên, có quyết định bằng văn bản của BCH hoặc ban thường vụ CĐCS và quản lý hồ sơ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.</i>   | 3  |  |  |  |  |
| 2.5 | Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động của CĐCS <i>có hiệu quả</i> ; có quy chế hoạt động và tổ chức sinh hoạt BCH, ban thường vụ, UBKT theo quy định; <i>có quy chế chi tiêu nội bộ, khen thưởng, thăm hỏi, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ CĐCS.</i> | 3  |  |  |  |  |
| 2.6 | Có sổ ghi chép đủ nội dung, diễn biến các cuộc họp BCH, ban thường vụ UBKT theo quy định và quản lý cán bộ, đoàn viên công đoàn bằng sổ hoặc trên máy vi tính.   | 2  |  |  |  |  |
| 2.7 | <i>Hàng năm có báo cáo công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính công đoàn tại hội nghị BCH; công khai quyết toán thu chi quỹ xã hội tại hội nghị công đoàn của đơn vị theo quy định của Tổng Liên đoàn.</i>   | 3  |  |  |  |  |
| 2.8 | <b>Hoàn thành</b> dự toán thu tài chính và nộp nghĩa vụ lên công đoàn cấp trên (nếu  | 4  |  |  |  |  |

|      |  |    |  |  |  |
|------|--|----|--|--|--|
|      | <i>có); thực hiện đầy đủ các khoản chi đối với đoàn viên, NLD. Không vi phạm kỷ luật sử dụng, quản lý tài chính công đoàn.</i>   |    |  |  |  |
| 2.9  | Thực hiện chế độ thông tin <i>hai chiều đầy đủ, chính xác và kịp thời</i> với đoàn viên, NLD và báo cáo định kỳ với công đoàn cấp trên.  | 3  |  |  |  |
| 2.10 | Xây dựng lực lượng đoàn viên nòng cốt đạt chỉ tiêu trên 45%.   | 4  |  |  |  |
| III  | <b><u>TIÊU CHUẨN III:</u></b><br><b>Công tác tuyên truyền và các hoạt động khác:</b>   | 20 |  |  |  |
| 3.1  | Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên và NLD chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của công đoàn; chấp hành nội quy, quy chế, quy định của đơn vị có liên quan đến đoàn viên và NLD ( <i>có nội dung cụ thể</i> ).                                      | 6  |  |  |  |
| 3.2  | Không có đoàn viên vi phạm kỷ luật <i>đến mức bị buộc thôi việc</i> ; không có đoàn viên bị cơ quan pháp luật xử lý về tham nhũng, tiêu cực, <i>trì trưỡng hợp do đơn vị phát hiện</i> . Không có đoàn viên vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, chính sách dân số và mắc tệ nạn xã hội. | 5  |  |  |  |
| 3.3  | Tham gia với người đứng đầu đơn vị thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề đối với NLD, xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.  | 3  |  |  |  |
| 3.4  | Vận động đoàn viên, NLD hỗ trợ nhau trong công việc và tham gia hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo.  | 3  |  |  |  |
| 3.5  | Giới thiệu được đoàn viên ưu tú cho cấp ủy đảng bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.  | 3  |  |  |  |
| IV   | <b><u>Điểm thưởng:</u></b>   | 10 |  |  |  |
| 4.1  | Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi hơn cho NLD so với quy định của pháp luật; được thực hiện, đánh giá chất lượng cao, chọn làm đơn vị tiêu biểu   | 2  |  |  |  |
| 4.2  | Tổ chức thực hiện tốt đối thoại định kỳ, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến  | 2  |  |  |  |





**BẢNG CHẤM ĐIỂM XẾP LOẠI CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ  
 TRONG CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI,  
 TỔ CHỨC XÃ HỘI NGHỀ NGHIỆP, XÃ - PHƯỜNG - THỊ TRẤN.**

*( Theo hướng dẫn số: 1931 /HD-LĐLĐ ngày 27 /12 /2014 của Tổng LĐLĐ VN )*

| STT  | Nội dung  | Điểm chuẩn tối đa | Đạt tỷ lệ % so điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra | GHI CHÚ |
|------|---|-------------------|---------------------------|--------------|---------------|---------|
|      | <b><u>TIÊU CHUẨN I:</u></b><br><br>Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ, công chức, lao động (NLĐ) và tham gia quản lý   | 35                |                           |              |               |         |
| 1.1  | Tham gia với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; phối hợp tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức đúng thời hạn; <i>thực hiện công khai những việc NLĐ được biết theo quy định của pháp luật.</i>      | 5                 |                           |              |               |         |
| 1.2  | Giám sát thực hiện <i>đầy đủ, có hiệu quả nghị quyết hội nghị cán bộ công chức</i> và các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến quyền, lợi ích của <i>NLĐ</i>   | 5                 |                           |              |               |         |
| 1.3  | Xây dựng, <i>sửa đổi, bổ sung</i> quy chế phối hợp công tác giữa ban chấp hành công đoàn và thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị; cử đại diện công đoàn tham gia vào các hội đồng <i>có liên quan đến quyền, lợi ích của đoàn viên, NLĐ</i> theo quy định của pháp luật.          | 5                 |                           |              |               |         |
| 1-4. | Tham gia với thủ trưởng <i>hoặc người đứng đầu cơ quan</i> , đơn vị xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho NLĐ.  | 4                 |                           |              |               |         |
| 1.5  | Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát động, tổ chức các phong trào thi đua có hiệu quả ( <i>có nội dung và kết quả cụ thể</i> ); cải tiến lề lối làm việc, thực hiện cải thiện điều kiện làm việc, cải cách hành chính nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác. | 4                 |                           |              |               |         |

|     |   |    |  |  |  |  |
|-----|---|----|--|--|--|--|
| 1.6 | Vận động NLD phát hiện, ngăn chặn hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; không để xảy ra đơn thư vượt cấp.  | 4  |  |  |  |  |
| 1.7 | Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát động tổ chức các phong trào thi đua hiệu quả, thiết thực, chăm lo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho đoàn viên, NLD.   | 4  |  |  |  |  |
| 1.8 | Hàng năm xây dựng, triển khai kế hoạch về Quy chế giám sát và phân biệt xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội theo Quyết định số 217 - QĐ/TW và Quyết định số 218 - QĐ/TW (cùng ngày 12/12/2013) của Bộ Chính trị về ban hành quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. | 4  |  |  |  |  |
|     | <b>TIÊU CHUẨN II:</b><br><b>Xây dựng Tổ chức công đoàn</b>  | 35 |  |  |  |  |
| 2.1 | Có 95% trở lên số NLD gia nhập công đoàn.   | 5  |  |  |  |  |
| 2.2 | Có 80% trở lên số tổ công đoàn, công đoàn bộ phận, CĐCS thành viên (nếu có) được xếp loại vững mạnh.  | 5  |  |  |  |  |
| 2.3 | Có 100% cán bộ công đoàn mới tham gia lần đầu được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về lý luận, nghiệp vụ công tác công đoàn.   | 3  |  |  |  |  |
| 2.4 | Việc kiện toàn và công nhận các chức danh từ tổ phó công đoàn trở lên, có quyết định bằng văn bản của BCH hoặc ban thường vụ CĐCS và quản lý hồ sơ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.   | 3  |  |  |  |  |
| 2.5 | Xây dựng, triển khai kế hoạch hoạt động của CĐCS có hiệu quả; có quy chế hoạt động và tổ chức sinh hoạt BCH, ban thường vụ, UBKT theo quy định; có quy chế chi tiêu nội bộ, khen thưởng, thăm hỏi, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ CĐCS.   | 3  |  |  |  |  |
| 2.6 | Có sổ ghi chép đủ nội dung, diễn biến các cuộc họp BCH, ban thường vụ UBKT theo quy định và quản lý cán bộ, đoàn viên công đoàn bằng sổ hoặc trên máy vi tính.  | 2  |  |  |  |  |
| 2.7 | Hàng năm có báo cáo công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính công đoàn tại hội nghị BCH; công khai quyết toán thu chi quỹ xã hội tại hội nghị công đoàn của đơn vị theo quy định của Tổng Liên đoàn.   | 3  |  |  |  |  |

|            |  |           |  |  |  |  |
|------------|--|-----------|--|--|--|--|
| 2.8        | Hoàn thành dự toán thu tài chính; <i>thực hiện đầy đủ các khoản chi đối với đoàn viên, NLD. Không vi phạm quy định sử dụng, quản lý tài chính công đoàn.</i>   | 4         |  |  |  |  |
| 2.9        | Thực hiện chế độ thông tin <i>hai chiều đầy đủ, chính xác và kịp thời với đoàn viên, NLD</i> và báo cáo định kỳ với công đoàn cấp trên.  | 3         |  |  |  |  |
| 2.10       | Xây dựng lực lượng đoàn viên nòng cốt đạt <i>trên 45%</i>  | 4         |  |  |  |  |
| <b>III</b> | <b><u>TIÊU CHUẨN III:</u></b><br><b>Công tác tuyên truyền và các hoạt động khác</b>  | <b>20</b> |  |  |  |  |
| 3.1        | Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên và NLD chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của công đoàn; chấp hành nội quy, quy chế, quy định của cơ quan, đơn vị có liên quan đến đoàn viên và NLD ( <b>có nội dung cụ thể</b> ).                             | 6         |  |  |  |  |
| 3.2        | Không có đoàn viên vi phạm kỷ luật <i>đến mức bị buộc thôi việc</i> ; không có đoàn viên bị cơ quan pháp luật xử lý về tham nhũng, tiêu cực, <i>trừ trường hợp do đơn vị phát hiện</i> . Không có đoàn viên vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, chính sách dân số và mắc tệ nạn xã hội. | 5         |  |  |  |  |
| 3.3        | <i>Phối hợp với thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị thực hiện đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, NLD nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ</i> . Xây dựng cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa.  | 3         |  |  |  |  |
| 3.4        | Vận động đoàn viên, NLD hỗ trợ nhau trong công việc và tham gia hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo.  | 3         |  |  |  |  |
| 3.5        | Giới thiệu được đoàn viên ưu tú cho cấp ủy đảng bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.  | 3         |  |  |  |  |
| <b>IV</b>  | <b><u>Điểm thưởng</u></b>  | <b>10</b> |  |  |  |  |
| 4.1        | Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi hơn cho NLD so với quy định của pháp luật; được thực hiện, đánh giá chất lượng cao, chọn làm đơn vị tiêu biểu   | 2         |  |  |  |  |
| 4.2        | Tổ chức thực hiện tốt đối thoại định kỳ, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, là điển hình để các đơn vị khác học tập.   | 2         |  |  |  |  |

|                  |   |            |  |  |  |  |
|------------------|---|------------|--|--|--|--|
| 4.3              | Thực hiện đạt hiệu quả cao về quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật, là điển hình để các đơn vị khác học tập.   | 2          |  |  |  |  |
| 4.4              | Có thành tích xuất sắc trong xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa BCH CĐCS và doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.   | 2          |  |  |  |  |
| 4.5              | Có thành tích xuất sắc trong các công tác trọng tâm đặc thù do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ đạo, phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, các hoạt động xã hội, từ thiện. | 2          |  |  |  |  |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |   | <b>100</b> |  |  |  |  |

.....ngày.....tháng.....năm .....

TM. BAN CHẤP HÀNH

3

## TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI

**1. Công đoàn cơ sở xếp loại vững mạnh:** là những CĐCS có tổng số điểm đạt 85 điểm trở lên, đồng thời có đủ các điều kiện sau đây:

- Có thỏa ước lao động tập thể (đối với CĐCS doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập); có các quy chế dân chủ ở cơ sở;
- Không để xảy ra ngừng việc tập thể hoặc đình công trái pháp luật;
- Không có tai nạn lao động chết người tại nơi làm việc do lỗi chủ quan;
- Không có đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức là cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
- Không có tiêu chuẩn nào chấm đạt dưới 50% tổng số điểm.

**2. Công đoàn cơ sở xếp loại khá:** là những CĐCS đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm và những CĐCS đạt 85 điểm trở lên, nhưng không được xếp loại vững mạnh do không có đủ các điều kiện quy định tại Điểm 1 nêu trên.

**3. Công đoàn cơ sở xếp loại trung bình:** là những CĐCS đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.

**4. Công đoàn cơ sở xếp loại yếu:** là những CĐCS đạt dưới 50 điểm.

**5. Điểm thưởng:** Chỉ cho điểm thưởng khi CĐCS có những thành tích đặc biệt trong các nội dung phần IV và không có mục nào trong tiêu chuẩn II bị điểm trừ

**BẢNG CHẤM ĐIỂM XẾP LOẠI CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ  
TRONG CÁC DOANH NGHIỆP KHU VỰC NGOÀI NHÀ NƯỚC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP**  
( Theo hướng dẫn số: 1931 /HD-TLĐ ngày 27/12/2014 của Tổng LĐLĐ VN )

| STT | Nội dung   | Điểm chuẩn tối đa | Đạt TL % so điểm chuẩn | Điểm tự chấm | Điểm phúc tra |
|-----|--|-------------------|------------------------|--------------|---------------|
| I   | <b><u>TIÊU CHUẨN I:</u></b><br><b>Đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động và tham gia quản lý:</b>   | 35                |                        |              |               |
| 1.1 | Đại diện cho tập thể người lao động (NLD) thương lượng tập thể có hiệu quả với người sử dụng lao động (NSDLĐ) <i>nhằm xác lập các điều kiện lao động mới làm căn cứ ký kết thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT)</i> đạt được những điều khoản có lợi hơn cho NLD so với quy định của pháp luật, <i>được công đoàn cấp trên đánh giá đạt chất lượng theo quy định của Tổng Liên đoàn; giám sát thực hiện có hiệu quả nội dung TULĐTT đã ký.</i> | 5                 |                        |              |               |
| 1.2 | Tham gia với NSDLĐ xây dựng, ban hành hoặc sửa đổi, bổ sung và thực hiện quy chế dân chủ ở doanh nghiệp; <i>thực hiện công khai những việc NLD được biết theo đúng quy định của pháp luật; phối hợp tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc và tổ chức hội nghị NLD hàng năm đúng quy trình, đạt hiệu quả.</i>  | 5                 |                        |              |               |
| 1.3 | Tham gia với NSDLĐ xây dựng và giám sát thực hiện các nội quy, quy định; định mức lao động; đơn giá tiền lương; quy chế trả lương, thưởng; quy chế khen thưởng, kỷ luật; tham gia giải quyết việc làm, cải thiện điều kiện làm việc nhằm nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho NLD.  | 4                 |                        |              |               |
| 1.4 | Xây dựng và thực hiện tốt quy chế phối hợp hoạt động giữa BCH công đoàn và NSDLĐ.  | 4                 |                        |              |               |
| 1.5 | Hướng dẫn, <i>tư vấn</i> cho NLD giao kết và chấm dứt hợp đồng lao động với NSDLĐ đúng quy định của pháp luật; <i>có 100% lao động làm việc tại doanh nghiệp, đơn vị được giao kết hợp đồng lao</i>  | 4                 |                        |              |               |

|     |   |    |  |  |
|-----|---|----|--|--|
|     | <i>động bằng văn bản (không tính số lao động làm công việc tạm thời có thời hạn dưới ba tháng).</i>   |    |  |  |
| 1.6 | Phối hợp với NSDLĐ thực hiện và giám sát việc thực hiện công tác an toàn, vệ sinh lao động, không để xảy ra tai nạn lao động nặng <i>do lỗi chủ quan của NLD và NSDLĐ</i> . Giám sát <i>thực hiện hợp đồng lao động</i> và thực hiện chế độ chính sách với NLD theo quy định của pháp luật. | 5  |  |  |
| 1.7 | Phối hợp với NSDLĐ phát động, tổ chức các phong trào thi đua hiệu quả, thiết thực ( <i>có nội dung và kết quả cụ thể</i> ).   | 5  |  |  |
| 1.8 | Tham gia giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động; không để xảy ra ngừng việc tập thể trái pháp luật; không để xảy ra đơn thư vượt cấp; <i>Tổ chức và lãnh đạo đình công (nếu có) đúng pháp luật.</i>  | 3  |  |  |
| II  | <b><u>TIÊU CHUẨN II:</u></b><br><b>Xây dựng tổ chức công đoàn:</b>  | 35 |  |  |
| 2.1 | Có 70% trở lên tổng số NLD gia nhập công đoàn.  | 5  |  |  |
| 2.2 | Có 100% cán bộ công đoàn <i>mới được bầu lần đầu</i> được đào tạo, bồi dưỡng tập huấn về lý luận, nghiệp vụ công tác công đoàn.   | 3  |  |  |
| 2.3 | Có 60% trở lên số tổ công đoàn, công đoàn bộ phận, <i>CĐCS thành viên (nếu có)</i> được xếp loại vững mạnh.   | 5  |  |  |
| 2.4 | <i>Việc kiện toàn và công nhận các chức danh từ tổ phó công đoàn trở lên có quyết định bằng văn bản của BCH hoặc ban thường vụ CĐCS và quản lý hồ sơ đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.</i>   | 3  |  |  |
| 2.5 | Xây dựng, triển khai <i>kế hoạch hoạt động của CĐCS có hiệu quả</i> - có quy chế hoạt động và tổ chức sinh hoạt BCH, ban thường vụ, UBKT theo quy định; <i>có quy chế chi tiêu nội bộ, khen thưởng, thăm hỏi, bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đối với cán bộ CĐCS.</i>                        | 3  |  |  |
| 2.6 | Có sổ ghi chép đủ nội dung, diễn biến các cuộc họp BCH, ban thường vụ UBKT theo quy định và quản lý cán bộ, đoàn viên công đoàn bằng sổ hoặc trên máy vi tính.  | 2  |  |  |
| 2.7 | <i>Hàng năm có báo cáo công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính công đoàn tại hội nghị BCH; công khai quyết toán thu chi quỹ xã hội tại hội nghị công đoàn của đơn vị theo quy định của Tổng Liên đoàn.</i>  | 3  |  |  |

|            |   |           |  |  |  |
|------------|---|-----------|--|--|--|
| 2.8        | <i>Hoàn thành dự toán thu tài chính; thực hiện đầy đủ các khoản chi đối với đoàn viên, NLD. Không vi phạm quy định sử dụng, quản lý tài chính công đoàn.</i>  | 4         |  |  |  |
| 2.9        | -Thực hiện chế độ thông tin <i>hai chiều đầy đủ, chính xác và kịp thời</i> với đoàn viên, NLD và báo cáo định kỳ với công đoàn cấp trên.  | 3         |  |  |  |
| 2.10       | Xây dựng lực lượng đoàn viên nòng cốt đạt chỉ tiêu <i>trên 45%</i> / số đoàn viên   | 4         |  |  |  |
| <b>III</b> | <b><u>TIÊU CHUẨN III:</u></b><br><b>Công tác tuyên truyền và các hoạt động khác:</b>  | <b>20</b> |  |  |  |
| 3.1        | Tổ chức các hình thức tuyên truyền, phổ biến, vận động đoàn viên và NLD chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của công đoàn; chấp hành nội quy, quy chế, quy định của doanh nghiệp, đơn vị có liên quan đến đoàn viên và NLD ( <i>có nội dung cụ thể</i> ).                 | 6         |  |  |  |
| 3.2        | Không có đoàn viên vi phạm kỷ luật <i>đến mức bị sa thải</i> ; không có đoàn viên bị cơ quan pháp luật xử lý về tham nhũng, tiêu cực, <i>trừ trường hợp do đơn vị phát hiện</i> . Không có đoàn viên vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, Luật phòng, chống bạo lực gia đình, chính sách dân số và mắc tệ nạn xã hội. | 5         |  |  |  |
| 3.3        | <i>Tham gia với NSDLĐ thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề cho NLD</i> , xây dựng đời sống văn hóa trong doanh nghiệp, đơn vị.  | 3         |  |  |  |
| 3.4        | Vận động đoàn viên, NLD hỗ trợ nhau trong công tác và tham gia hoạt động xã hội, từ thiện, nhân đạo   | 3         |  |  |  |
| 3.5        | Giới thiệu được đoàn viên ưu tú cho cấp ủy đảng bồi dưỡng kết nạp vào Đảng.   | 3         |  |  |  |
| <b>IV</b>  | <b><u>Điểm thưởng:</u></b>  | <b>10</b> |  |  |  |
| 4.1        | Thỏa ước lao động tập thể có nhiều điều khoản có lợi hơn cho NLD so với quy định của pháp luật; được thực hiện, đánh giá chất lượng cao, chọn làm đơn vị tiêu biểu  | 2         |  |  |  |
| 4.2        | Tổ chức thực hiện tốt đối thoại định kỳ, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ, là điển hình để các đơn vị khác học tập.  | 2         |  |  |  |
| 4.3        | Thực hiện đạt hiệu quả cao về quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định của pháp luật, là điển hình   | 2         |  |  |  |



|     |   |   |  |  |  |
|-----|---|---|--|--|--|
|     | để các đơn vị khác học tập.   |   |  |  |  |
| 4.4 | Có thành tích xuất sắc trong xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp hoạt động giữa BCH CĐCS và doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị.   | 2 |  |  |  |
| 4.5 | Có thành tích xuất sắc trong các công tác trọng tâm đặc thù do công đoàn cấp trên trực tiếp chỉ đạo, phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, các hoạt động xã hội, từ thiện. | 2 |  |  |  |

.....ngày tháng năm 201...

**TM. BAN CHẤP HÀNH**

3

### TIÊU CHUẨN PHÂN LOẠI:

1. **Công đoàn cơ sở xếp loại vững mạnh:** là những CĐCS có tổng số điểm đạt 85 điểm trở lên, đồng thời có đủ các điều kiện sau đây:
  - Có thỏa ước lao động tập thể; có các quy chế dân chủ ở cơ sở;
  - Không để xảy ra ngừng việc tập thể hoặc đình công trái pháp luật;
  - Không có tai nạn lao động chết người tại nơi làm việc do lỗi chủ quan;
  - Không có đoàn viên, cán bộ công chức, viên chức là cán bộ chủ chốt vi phạm pháp luật bị xử lý kỷ luật từ cảnh cáo trở lên;
  - Không có tiêu chuẩn nào chấm đạt dưới 50% tổng số điểm.
2. **Công đoàn cơ sở xếp loại khá:** là những CĐCS đạt từ 70 điểm đến dưới 85 điểm và những CĐCS đạt 85 điểm trở lên, nhưng không được xếp loại vững mạnh do không có đủ các điều kiện quy định tại Điểm 1 nêu trên.
3. **Công đoàn cơ sở xếp loại trung bình:** là những CĐCS đạt từ 50 điểm đến dưới 70 điểm.
4. **Công đoàn cơ sở xếp loại yếu:** là những CĐCS đạt dưới 50 điểm.
5. **Điểm thưởng:** Chỉ cho điểm thưởng khi CĐCS có những thành tích đặc biệt trong các nội dung trong phần IV và không có mục nào trong tiêu chuẩn II bị điểm trừ

1- Có trên 90% tổng số cán bộ, xã viên và lao động gia nhập công đoàn.